

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tôn giáo học, mã số ngành: 9229009.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tôn giáo học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng Bộ môn Tôn giáo học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC
MÃ SỐ : 9229009

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2892/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Tôn giáo học

+ Tiếng Anh: Religious Studies

- Mã số ngành đào tạo: 9229009

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Tôn giáo học

+ Tiếng Anh: Philosophy in Religious Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn nâng cao và chuyên sâu, nhằm giúp người học có tư duy phân biện, khả năng sáng tạo tri thức mới, có năng lực tổ chức, tham mưu và giải quyết các vấn đề về Tôn giáo và Tôn giáo học mà thực tiễn đặt ra.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về Tôn giáo, tín ngưỡng và những kiến thức cơ bản của các khoa học liên ngành gắn với Tôn giáo học, bảo đảm tính khoa học, hiện đại, tính tư tưởng, có khả năng trở thành các nhà quản lý, tư vấn, làm công tác Tôn giáo chuyên nghiệp có trình độ chuyên gia.

- Khả năng vận dụng sáng tạo, hiệu quả các kiến thức, lý thuyết liên ngành, chuyên ngành để phát hiện và giải quyết những vấn đề có về Tôn giáo.

- Khả năng tham gia nghiên cứu, giảng dạy các cơ sở giáo dục, Viện nghiên cứu, làm việc tại các đơn vị sự nghiệp của Trung ương và địa phương trong công tác Tôn giáo. Kết nối các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai các dự án, các chương trình nghiên cứu liên quan đến Tôn giáo.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại Giỏi trở lên với ngành đào tạo thuộc ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp 2, ngành phù hợp 3.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo. Năng lực ngoại ngữ cần được minh chứng bằng một trong số những loại văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngoại ngữ yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiến sĩ Tôn giáo học;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận;

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Tôn giáo học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Triết học, Giáo dục chính trị.

- Ngành phù hợp 2: Tâm lý học, Gia đình học, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa.

- Ngành phù hợp 3: Tất cả các ngành còn lại.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

STT	Học phần	Số tín chỉ
Học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp 2		12
1	Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCS Việt Nam về Tôn giáo	3
2	Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội	3
3	Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo	3
4	Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	3
Học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp 3		15
I	Học phần bắt buộc	12
1	Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCS Việt Nam về Tôn giáo	3
2	Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội	3
3	Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo	3
4	Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	3
II	Học phần tự chọn	3/9
5	Tín ngưỡng, tôn giáo khu vực Đông Nam Á	3
6	Nguồn lực của tôn giáo và phát huy nguồn lực của tôn giáo ở Việt Nam	3
7	Tôn giáo mới trong bối cảnh toàn cầu	3

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 2-5 NCS/năm)

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, chuyên sâu mang tính lí luận và thực tiễn, có những đóng góp mới đối với khoa học và thực tiễn, phù hợp với ngành Tôn giáo học.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả

thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác, bảo đảm liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

- Công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có 6 phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1: Phân tích thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực Tôn giáo và hoạt động thực tiễn của người học.

PLO 2: Vận dụng các phương pháp luận chuyên ngành, cách tiếp cận liên ngành, hệ thống lý thuyết trong nghiên cứu Tôn giáo học vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn.

PLO 3: Đánh giá một cách khách quan, khoa học các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu về Tôn giáo và đề xuất phương án giải quyết được các vấn đề từ thực tiễn công tác, tư vấn các chính sách liên quan đến công tác Tôn giáo với vai trò chuyên gia.

PLO 4: Sáng tạo, phát triển các lý thuyết và tri thức mới liên quan đến ngành Tôn giáo.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 5: Kỹ năng xác định được các vấn đề nghiên cứu mới, xuất phát từ thực tiễn và lý luận, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy về Tôn giáo.

PLO 6: Kỹ năng tổng hợp, truyền đạt kiến thức thông qua hình thức giảng dạy, biên soạn giáo trình, xây dựng vận hành các chương trình đào tạo bậc đại học, sau đại học, phổ biến kiến thức và kết quả nghiên cứu về Tôn giáo trong xã hội.

PLO 7: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đề ra những giải pháp một cách sáng tạo, độc đáo các hoạt động nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng liên quan đến Tôn giáo.

PLO 8: Kỹ năng tổ chức, quản lý công việc một cách khoa học, kết hợp năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin, thích ứng linh hoạt, chủ động sáng tạo trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.

PLO 9: Tổ chức, xây dựng hoặc tham gia triển khai các chương trình, dự án nghiên

cứu trong nước và quốc tế (như đề tài nghiên cứu khoa học; viết sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, bài báo đăng trên tạp chí; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế...) về Tôn giáo.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 10: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Tôn giáo.

PLO 11: Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau phù hợp với thực tế trong lĩnh vực Tôn giáo và sự phát triển chung của xã hội.

PLO 12: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong quá trình nghiên cứu và các công tác liên quan đến Tôn giáo, tín ngưỡng.

PLO 13: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia về Tôn giáo học.

PLO 14: Quản lí nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới phù hợp với ngành Tôn giáo.

PLO 15: Tôn trọng, tiếp thu thành tựu nghiên cứu khoa học của người khác, có thái độ liêm chính học thuật, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Nghiên cứu, giảng dạy Tôn giáo tại các trường, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Giảng dạy Tôn giáo tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trường bồi dưỡng cán bộ làm công tác Tôn giáo;

- Làm việc tại các cơ quan Đảng và Nhà nước như: Ban tuyên giáo, Ban dân vận, Ban dân tộc, Ban tôn giáo chính phủ, công tác Đảng tại các cơ quan, các tổ chức đoàn thể, từ Trung ương đến địa phương;

- Làm việc tại các cơ quan truyền thông, nhà xuất bản, phụ trách công tác văn hóa-tư tưởng và biên tập;

- Làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh liên quan đến lĩnh vực tôn giáo như: Du lịch, Văn hóa... và các tổ chức phi chính phủ liên quan đến Tôn giáo, tín ngưỡng.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học, người

học có thể tham gia học tập, nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu tại các vị trí nghiên cứu sau tiến sĩ hoặc tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài để phát huy những kiến thức chuyên môn đã được trang bị, cung cấp trong quá trình học;

- Nghiên cứu nâng cao và chuyên sâu các vấn đề chuyên môn ở quy mô khu vực và quốc tế;

- Kết nối với mạng lưới nghiên cứu, giảng dạy quốc tế để trao đổi tri thức và giải quyết các vấn đề liên quan đến Tôn giáo;

- Triển khai, ứng dụng những kết quả nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu thực tế;

- Tham gia nghiên cứu và giảng dạy theo các chương trình Sau Tiến sĩ.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ:

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **90** tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ: **9** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 6 tín chỉ
 - + Tự chọn: 3 tín chỉ/6 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **9** tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 3 tín chỉ
 - + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **122** tín chỉ, trong đó:
- Các học phần bổ sung : **32** tín chỉ

- + Bắt buộc: 23 tín chỉ
- + Tự chọn: 9 tín chỉ/ 18 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ: 9 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 6 tín chỉ
 - + Tự chọn: 3 tín chỉ/6 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: 9 tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 3 tín chỉ
 - + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		9				
I.1	Các học phần bắt buộc		6				
1	REL8003	Làng xã và tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt <i>Village, commune and Vietnamese religions and beliefs</i>	3	40	10	100	
2	REL8011	Xu hướng biến đổi của tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay: Thực trạng và giải pháp <i>The tendency of changes in ideology and religion nowadays: reality and solution</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		3/6				
3	REL8009	Mối quan hệ giữa tín ngưỡng, tôn giáo và xã hội đương đại <i>The relationship between beliefs, religions and society nowadays</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
4	REL8010	Vấn đề hội nhập Tam giáo trong lịch sử tư tưởng và văn hóa Việt Nam <i>The integration of three religions in the ideological and cultural history of Vietnam</i>	3	40	10	100	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		9				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
5	REL8016	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	3	0	0	150	
6	REL8017	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	3	0	0	150	
II.2	Tiểu luận tổng quan		3				
7	REL8018	Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án <i>Overview of Literature</i>	3	0	0	150	
II.3	Nghiên cứu Khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
IV	Luận án		72				
8	REL9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		32				
I.1	Các học phần bắt buộc		23				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	REL6001	Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Tôn giáo <i>Marxism - Leninism and Ho Chi Minh, the Communist Party of Viet Nam on Religion</i>					
3	REL6002	Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội <i>Religious, Cultural and Social life</i>	3	40	10	100	
4	REL6003	Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo <i>Methodology and Method of religious research</i>	3	40	10	100	
5	REL6004	Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay <i>State management of belief and religious activities today in Vietnam</i>	3	40	10	100	
6	REL6005	Tín ngưỡng, tôn giáo khu vực Đông Nam Á <i>Beliefs and religions in Southeast Asia</i>	3	40	10	100	
7	REL6015	Dự án nghiên cứu thực địa <i>Field studies</i>	4	10	0	190	
I.2.	Các học phần tự chọn		9/18				
8	REL6006	Nguồn lực của tôn giáo và phát huy nguồn lực của tôn giáo ở Việt Nam <i>Religious resource and the way to promote of religious resource in Vietnam</i>	3	40	10	100	
9	REL6007	Tôn giáo mới trong bối cảnh toàn cầu <i>New religion movement in the global context</i>	3	40	10	100	
10	REL6008	Phật giáo và văn hóa Việt Nam: Lịch sử và hiện tại <i>Buddhism and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
11	REL6009	Công giáo và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Catholicism and Vietnamese culture: History and present</i>					
12	REL6010	Đạo Tin Lành và văn hóa Việt Nam: lịch sử và hiện tại <i>Protestantism and Vietnamese culture: History and present</i>	3	40	10	100	
13	REL6012	Thực hành nghiệp vụ Công tác tôn giáo ở Việt Nam <i>The practice of profession on religious work in Vietnam</i>	3	40	10	100	
II	Các học phần tiên sĩ		9				
II.1	Các học phần bắt buộc		6				
14	REL8003	Làng xã và tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt <i>Village, commune and Vietnamese religions and beliefs</i>	3	40	10	100	
15	REL8011	Xu hướng biến đổi của tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay: Thực trạng và giải pháp <i>The tendency of changes in ideology and religion nowadays: reality and solution</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		3/6				
16	REL8009	Mối quan hệ giữa tín ngưỡng, tôn giáo và xã hội đương đại <i>The relationship between beliefs, religions and society nowadays</i>	3	40	10	100	
17	REL8010	Vấn đề hội nhập Tam giáo trong lịch sử tư tưởng và văn hóa Việt Nam <i>The integration of three religions in the ideological and cultural history of Vietnam</i>	3	40	10	100	
III	Chuyên đề, tiểu luận tổng quan và NCKH		9				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
18	REL8016	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	3	0	0	150	
19	REL8017	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	3	0	0	150	
III.2	Tiểu luận tổng quan		3				
20	REL8018	Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	3	0	0	150	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Overview of Literature</i>					
III.3	Nghiên cứu Khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
V	Luận án		72				
21	REL9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			122				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.